TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HC-PT
Ngày: 20/01/2025
V/v: Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Trần Quang Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 567/2024/TLPT-HC ngày 15/11/2024 về khiếu kiện "Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2025/QĐPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; nơi ở: Thôn Trung N, xã Thanh X, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Đại B, xã Nguyễn K, huyện Đông A, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lưu Ngọc T2 - Văn phòng luật sư Hoàng Gia T3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Thôn Đại B, xã Nguyễn K, huyện Đông A, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Sóc S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sóc S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Đỗ Minh T4 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sóc S; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã Thanh X, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân M – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh X; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Thôn Trung N, xã Thanh X, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, anh D1: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; nơi ở: Thôn Trung N, xã Thanh X, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên đã được Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải phê duyệt ngày 22/12/2003 tại Quyết định số 3863/QĐ-BGTVT. Ngày 17/9/2004, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6057/QĐ-UB về việc thu hồi 57.109m² tại xã Thanh X và xã Tân D3, huyện Sóc S, giao cho Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2 để cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên thuộc địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, thu hồi tại xã Thanh X là 49.570m² đất do UBND xã quản lý; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng (trong đó hộ gia đình bà Nguyễn Thị V bị thu hồi diện tích 45,26m² đất đang quản lý sử dụng).

Ngày 31/5/2007, Ủy ban nhân dân huyện Sóc S ban hành Quyết định số 1446/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 9).

Ngày 24/8/2009, Ủy ban nhân dân huyện Sóc S ban hành Quyết định số 9668/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà V.

Do không chấp hành việc bàn giao mặt bằng đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư dự án nên ngày 06/10/2009 Chủ tịch UBND huyện Sóc S đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 13761/QĐ-UBND với bà Nguyễn Thị V và đã thực hiện xong việc cưỡng chế thu hồi đất, mặt bằng đã được bàn giao cho chủ đầu tư thi công.

Không đồng ý với các phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, bà V đã khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo người khởi kiện bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà V khởi kiện Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số: 1446/QĐ-UBND ngày 31/05/2007 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 9668/QĐ-UBND ngày 24/08/2009 của UBND huyện Sóc S. Đồng thời khởi kiện về nội dung 02 bản Phương án bồi thường chi tiết số 25/PA-GPMB-DA DDQL2 ngày 15/05/2007 và số 30/PA-GPMB ngày 10/06/2009 là những văn bản đính kèm theo các quyết định phê duyệt phương án bồi thường. Đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần 02 quyết định nêu trên (phần liên quan đến diện tích đất thu hồi của gia đình bà) do áp dụng không đúng các quy định của pháp luật. Buộc UBND huyện Sóc S phải bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi là 77,4m^2 theo khung giá đền bù đất thổ cư năm 2016. Giữ nguyên phần quyết định bồi thường tài sản như phương ăn chi tiết là 4.258.550 đồng và bổ sung tiền đền bù tài sản trên đất bị thu hồi chưa được thể hiện trong phương án chi tiết gồm 21m^2 của 02 gian quán bán hàng và 01 cây xoan đào.

Diện tích đất gia đình bà V đang sử dụng và bị thu hồi một phần có nguồn gốc được giao từ năm1971. Thời điểm giao đất, HTX Trung N và UBND xã Thanh X không ban hành quyết định giao đất, không xác định diện tích, mốc giới cụ thể, không lập biên bản bàn giao mà chỉ thông báo và chỉ chỗ cho gia (đình ông D2 sử dụng thửa ruộng tiếp giáp với quốc lộ 2 (cũ). Trong quá trình sử dụng khoảng 20 năm, đến 1990 thì ông D2 đổi đất cho dì ruột là bà Nguyễn Thị L, sau đó bà L đổi lại cho gia đình bà V. Chiều sâu thửa đất không thay đổi là 24m.

Thực tế, ngay từ năm 1971, gia đình bà V đã sử dụng nguyên trạng một diện tích đất có chiều ngang phía Bắc tiếp giáp mặt đường quốc lộ 2 là 16,0 mét, phía Nam là 18,8m, hai mặt phía Đông và Tây sâu 24m. Như vậy, tổng diện tích đất thực tế sử dụng ban đầu phải là 451m^2 chứ không thể là 338m^2 như bản đồ 1986 đã ghi.

Sau khi trừ đi 96m^2 bà L đã bán cho bà C (24m x 4m), 120m^2 đã bán cho ông T5 (24m x 5m), diện tích đất thực tế còn lại phải là 235,2m^2 với các cạnh đo (lược là: 7 x 9,8 x 24.

Diện tích đất còn lại của gia đình bà V căn cứ vào biên bản kết luận thanh tra, diện tích đất sau thu hồi của gia đình bà còn lại 157,81m^2. Như vậy, diện tích thực tế thu hồi vào phần đất gia đình bà đang quản lý sử dụng ổn định là: 235,2m^2 - 157,81m^2 = 77,4m^2. Không thể là 45,26m^2 như nội dung phương án bồi thường đã nêu.

Xét về nguồn gốc sử dụng đất, toàn bộ diện tích đất bị thu hồi là đất sử dụng ổn định từ 1971, không bị điều chỉnh bởi Nghị định số 203/HĐBT. Căn cứ vào các quy định của pháp luật thì cho dù là đất lấn chiếm cũng đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và sẽ được nhà nước bồi thường khi thu hồi. Trong khi đó, nội dung Bản chi tiết bồi thường số 25/PA - GPMB đính kèm theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1446 lại xác định chỉ có 15,33m^2 là đất ở, tài sản trên đất còn thiếu 21m^2 của 02 gian quán bán hàng và 01 cây xoan đào. Phương án số 30 đính kèm theo Quyết định số 9668 ghi 29,93m^2 chỉ được hỗ trợ đối với hành lang giao thông là sai cả về diện tích lẫn phương pháp xác định loại đất.

Theo Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Sóc S, thành phố Hà Nội trình bày:

Thực hiện Quyết định số 6057/QĐ-UB ngày 17/9/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 57.109m^2 đất tại xã Thanh X và xã Tân D3 huyện Sóc S; Giao cho Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 để cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên thuộc địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, thu hồi tại xã Thanh X 49.570m^2 đất do UBND xã quản lý, các tổ chức hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng, giao cho Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 để đầu tư thực hiện dự án, cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên (thuộc địa bàn thành phố Hà Nội)

Do khó khăn trong việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ở, các hộ dân không hợp tác UBND xã Thanh X đã Báo cáo số 29/BC-UB ngày 23/7/2007; UBND huyện Sóc S đã có Văn bản số 720/UBND-TC ngày 01/8/2007 xin ý kiến chỉ đạo về chính sách giải phòng mặt bằng gửi UBND thành phố Hà Nội đối với đất thổ cư tại xã Thanh X.

Để tháo gỡ những khó khăn trong công tác GPMB ngày 15/3/2008 UBND huyện Sóc S có Văn bản số 436/UBND-TN&MT xin ý kiến giải quyết những vướng mắc trong GPMB dự án gửi UBND Thành phố Hà Nội. Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Ban chỉ đạo GPMB thành phố - Sở Tài chính đã có văn bản số 262/BCLN- BCĐ ngày 30/6/2008 về việc tồn tại vướng mắc khi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thu hồi đất để thực hiện dự án QL2 thuộc địa bàn huyện Sóc S.

Ngày 27/5/2009, Sở Tài chính đã có Văn bản số 2085/STC-QLCS về chính sách bồi thường, hỗ trợ dự án theo chỉ đạo của UBND thành phố.

Ngày 06/7/2009, Cục đường bộ Việt Nam đã có Văn bản số 2699/CĐBVN-GT về Quản lý và sử dụng hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ 2, TP. Hà Nội.

Ngày 21/8/2008, Hội đồng GPMB đã có Thông báo số 62/TB-HĐGPMB về việc kiểm tra, xác nhận nguồn gốc đất tại thôn Trung, thôn Na xã Thanh X.

Ngày 15/12/2009, Hội đồng GPMB có Văn bản số 105/CV-HĐGPMB trả lời những khó khăn, vướng mắc thực hiện dự án GPMB dự án.

Từ những căn cứ đã nêu trên, UBND huyện Sóc S khẳng định việc thực hiện công tác GPMB dự án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Những khó khăn vướng mắc liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất đã được UBND huyện xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của các sở, ban, ngành thành phố và UBND thành phố Hà Nội để chỉ đạo thực hiện.

Đối với Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện Sóc S:

Ngày 10/10/2005, Tổ công tác đã tiến hành kiểm kê khối lượng đền bù diện tích đất, tài sản, hoa mầu trên đất nằm trong phạm vi GPMB dự án và đã tiến hành lập Biên bản số 25/BB-GPMB đối với thửa đất số 89- tờ 2 của hộ bà Nguyễn Thị V gồm: *15,33m^2 đất thổ cư; 21,9m^2 Sân gạch chỉ; 16,06m^2 Sân bê tông; 0,85m^2 tường xây gạch 220; 3m^2 tường 110; 01 cổng dài 7,3m; 01 cây dâu da xoan* (hộ gia đình bà V không ký vào biên bản).

Ngày 10/12/2006, UBND xã Thanh X đã có văn bản xác nhận loại đất, nguồn gốc, thời gian sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi của hộ bà V cụ thể: *thu hồi 15,33m^2 - đất ở nhận chuyển nhượng có tên trong sổ địa chính xã, sử dụng ổn định không có tranh chấp.*

Căn cứ Biên bản số 25/BB-GPMB ngày 10/10/2005 và Văn bản xác nhận ngày 10/12/2006 của UBND xã Thanh X Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 đã tiến hành lập Phương án số 25/PA-GPMB-DAQL2 ngày 15/5/2007 bồi thường, hỗ trợ đối với 15,33m^2 đất ở và công trình, hoa mầu trên đất của hộ bà V trình Hội đồng GPMB thẩm định.

Ngày 30/5/2007, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã có Tờ trình số 16/TT-GPMB về việc xin phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án (đợt 9).

Ngày 31/5/2007, UBND huyện Sóc S đã ban hành Quyết định số 1446/QĐ- UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án (đợt 9). Kèm theo phương án chi tiết của các hộ, trong đó có hộ bà V với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 61.746.050 đồng.

Đối với Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND huyện Sóc S:

Ngày 05/3/2008, Tổ công tác GPMB tiến hành kiểm kê bổ sung lập Biên bản số 30/BB-GPMB kiểm tra, kiểm kê xác định khối lượng: đất đai, tài sản, hoa màu trên đất đối với thửa đất số 89-Tờ 2 của hộ bà V: *diện tích đất thu hồi 29,93m^2 nguồn gốc sử dụng là đất hành lang giao thông;* hộ gia đình bà V không ký biên bản; do vậy, Tổ công tác GPMB đã tiến hành lập biên bản kiểm đếm đất lưu không để có căn cứ hỗ trợ theo quy định.

Căn cứ Biên bản số 30/BB-GPMB ngày 05/3/2008 của tổ công tác GPMB dự án. Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 đã tiến hành lập Phương án số 30/PA-GPMB ngày 05/3/2008 phương án hỗ trợ đối với 29,93m^2 đất được UBND xã Thanh X xác nhận là đất hành lang giao thông trình Hội đồng GPMB thẩm định.

Ngày 20/8/2009, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định huyện Sóc S đã có Tờ trình số 61A/TT-GPMB trình UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án (đợt 13).

Căn cứ khoản 2 Điều 58 Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; UBND huyện Sóc S đã ban hành Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án (đợt 13) - Kèm theo phương án chi tiết của các hộ, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị V với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 1.496.500 đồng.

Về Quyết định số 3170/QĐ-UB ngày 10/5/2010 của UBND huyện Sóc S giải quyết khiếu nại của bà V:

Do không đồng ý với đơn giá bồi thường, hỗ trợ như trong phương án đã phê duyệt, bà V có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ 45,26m^2 diện tích đất gia đình bà đang sử dụng theo đơn giá bồi thường đất ở. Nội dung khiếu nại này được UBND huyện giao cho Thanh tra huyện thụ lý và tham mưu giải quyết. Do nguồn gốc đất và quá trình sử dụng có nhiều biến động, phức tạp. Thửa đất đã được chuyển nhượng, trao đổi nhiều lần, nhiều chủ khác nhau nên cơ quan Thanh tra đã phải xác minh, kiểm tra qua từng chủ sử dụng đất và diện tích sử dụng qua từng thời điểm. Đến ngày 10/5/2010, căn cứ hồ sơ xác minh và Kết luận số 90 ngày 16/3/2010 của Thanh tra huyện, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UB ngày 10/5/2010 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà V. Theo đó, diện tích đất ở đã phê duyệt giảm từ 15,33m² xuống còn 9,62m²; diện tích đất hành lang giao thông tăng từ 29,93m² thành 35,64m², đơn giá BT, HTr không thay đổi đối với cả 2 loại đất ở và đất hành lang giao thông, chỉ thay đổi đơn giá 01 cây dâu gia xoan tăng từ 80.000 đồng thành 100.000

đồng. Giao cho Hội đồng GPMB và Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 (chủ đầu tư GPMB điều chỉnh phương án BT, HTr cả về đất ở, đất hành lang giao thông và cây trồng; UBND xã Thanh X rà soát việc thu thuế nhà đất của gia đình bà V để có cơ sở truy thu thuế theo quy định. Tuy nhiên, các nội dung này đến nay chưa được các đơn vị thực hiện theo yêu cầu của Quyết định. Về việc này, UBND huyện Sóc S xin giải trình như sau: Sau khi nhận được Quyết định số 3170/QĐ-UB ngày 10/5/2010 của UBND huyện Sóc S. Ngày 22/9/2011, bà Nguyễn Thị V đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Sóc S về việc thu hồi đất và BT, HTr cho gia đình bà V; đến ngày 20/11/2012, bà V tiếp tục bổ sung nội dung khởi kiện và vụ việc liên tục được các cấp Tòa án thụ lý xem xét giải quyết cho đến nay chưa có quyết định cuối cùng.

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UB ngày 10/5/2010 của UBND huyện Sóc S: Trong quá trình làm việc với các cơ quan Tòa án để giải quyết vụ kiện, UBND huyện Sóc S phát hiện việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện Sóc S có lỗi kỹ thuật về trình bày và đánh máy soạn thảo văn bản. Ngày 28/3/2024, Chủ tịch UBND huyện Sóc S đã có Văn bản số 651/UBND-TTr v/v đính chính các Quyết định giải quyết khiếu nại.

Do không chấp hành việc bàn giao mặt bằng đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư dự án nên ngày 06/10/2009 Chủ tịch UBND huyện Sóc S đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 13761/QĐ-UBND với hộ bà V và đã thực hiện xong việc cưỡng chế thu hồi đất, mặt bằng đã được bàn giao cho chủ đầu tư thi công. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Thanh X trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 02: Theo bản đồ địa chính 1993: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62, tại thôn N, diện tích 72m² có nguồn gốc là đất công do UBND xã quản lý. Cụ thể, đất làm mương nội đồng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp từ trước năm 1993. Đây là một phần của hệ thống mương chảy dọc ven đường Quốc lộ 2 qua khu vực thủy lợi của HTX Trung N. Do đó, thửa đất trên không được nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng.

Sau khi Nhà nước thu hồi đất để GPMB thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên thuộc địa phận xã Thanh X hiện trạng đến nay không có hệ thống mương trên nữa.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V: Buộc UBND huyện Sóc S bồi thường toàn bộ diện tích là 77,4m² đất theo giá đất thổ cư là không có căn

cứ.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án với chức năng, thẩm quyền trong công tác quản lý đất đai và trong công tác giải phóng mặt bằng, UBND xã Thanh X đã thực hiện đúng các trình tự, thủ tục về giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. UBND xã Thanh X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và xin giải quyết vắng mặt.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 2 Điều 165 và Điều 348 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 218/2017/TLST-HC ngày 02/10/2027 về "khiếu kiện các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện Sóc S" do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đã được giải quyết bằng Bản án sơ thẩm số 05/2014/HCST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sóc S và Quyết định số 59/2015/QĐĐC-HCPT ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 26/11/2018, người khởi kiện bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo đề nghị hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 34/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Căn cứ Điều 243 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 43/2021/HC-GĐT ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và Điều 274 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, xử:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/2021/KN-HC ngày 10/9/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 34/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 34/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2024/HC-ST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 56, Điều 57 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 20 Luật Khiếu nại năm 1998; Quyết định số 62/2008/QĐ-UB ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2009; Quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Luật Người cao tuổi; Luật Phí và Lệ phí và Nghị quyết số 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

2. Kiến nghị UBND huyện Sóc S sớm điều chỉnh Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Nguyễn Thị V thực hiện theo phần quyết định của Quyết định giải quyết khiếu nại số 3170/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch UBND huyện Sóc S.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/5/2024, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị V, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị bồi thường diện tích 157,8m^2 theo giá đất ở và tài sản trên đất theo Luật Đất đai năm 2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, giữ nguyên quyết định khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự; ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền, ý kiến của luật sư; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về đối tượng khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 9), Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 13) của UBND huyện Sóc S; Quyết định số 3170/QĐ-UB ngày 10/5/2010 của UBND huyện Sóc S giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị V. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 15/9/2015, bà V mới nhận được Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 24/8/2008 và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện Sóc S nên ngày bắt đầu thời hiệu khởi kiện là ngày 15/9/2015 chứ không phải tính từ ngày bà V biết được các quyết định nêu trên; nên ngày 28/5/2016, Tòa án nhân dân huyện Sóc S nhận được đơn khởi kiện của bà V là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010 (nay là điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 3170/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch UBND huyện Sóc S và các quyết định hành chính có liên quan đến các quyết định bị khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định bị khởi kiện:

Quyết định số 9581/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 về thu hồi đất, Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 9) và Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 13) dự án Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài – Vĩnh Yên thuộc địa phận xã Thanh X, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội của UBND huyện Sóc S được ban hành đúng quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2003; khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Điều 56, Điều 57 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của UBND huyện Sóc S về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà V về việc bồi thường là chưa đúng thẩm quyền quy định tại Điều 20 Luật Khiếu nại năm 1998. Tuy nhiên, ngày 28/3/2024 Chủ tịch UBND huyện Sóc S đã có Văn bản số 651/UBND-TTr về việc đính chính quyết định giải quyết khiếu nại do có lỗi kỹ thuật về trình bày và đánh máy soạn thảo văn bản, đính chính lại về người ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 là do Chủ tịch UBND huyện Sóc S ký và khẳng định người thực hiện giải quyết khiếu nại là Chủ tịch UBND huyện Sóc S. Do vậy, việc Chủ tịch UBND huyện Sóc S thực hiện việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định.

[2.2]. Xét nội dung các quyết định bị khiếu kiện:

[2.2.1]. Đối với Quyết định số 9681/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 về thu hồi đất, Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 và Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện Sóc S:

Về diện tích đất bị thu hồi: Nguồn gốc đất bị thu hồi của gia đình bà V tại thôn Trung N, xã Thanh X, hiện đang quản lý và sử dụng có một phần nằm trong chỉ giới GPMB đường Quốc lộ 2 là 1 phần thửa đất của hộ gia đình ông Ngô Văn D2 (sau này ông D2 đổi lại cho gia đình bà L) được HTX Trung N cấp năm 1971 với diện tích 12 thước (288m^2). Khi giao đất HTX không đo đất, cũng không lập biên bản bàn giao đất mà chỉ chỉ vị trí đất cho hộ gia đình ông D2 tại khu vực ven đường Quốc lộ 2. Trong quá trình sử dụng đất do thửa đất nằm ở vị trí tiếp giáp với con mương tưới tiêu của HTX và gần lề đường quốc lộ 2. Đến khi đo vẽ bản đồ hiện trạng năm 1986, thửa đất của hộ gia đình ông D2 được thể hiện tại thửa số 13, tờ bản đồ số 11, bản đồ thôn N, tỷ lệ 1/1000, diện tích 338m^2.

Mặt khác, khi giao đất không xác định mốc giới rõ ràng, nên hộ gia đình ông D2 đã sử dụng diện tích tăng từ 288m^2 năm 1971 đến khi đo vẽ bản đồ hiện trạng năm 1986, thửa đất của hộ gia đình ông D2 được thể hiện tại thửa số 13, từ bản đồ số 11, bản đồ thôn N, tỷ lệ 1/1000, diện tích 338m^2, có phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông D2 là con mương rộng l,5m, đường QL2 rộng 14m. Như vậy, về nguyên tắc cho lợi cho người sử dụng đất cần được xác định diện tích 338m^2 theo bản đồ năm 1986 là đất ở trước năm 1980. Ngày 14/11/1990, ông D2 đổi nhà cho ông Bùi Văn C2 (con trai bà L) thể hiện diện tích chuyển đổi là 288m^2 có xác nhận UBND xã. Năm 1993, khi đo vẽ bản đồ hiện trạng thì

thửa đất của gia đình bà L được thể hiện ở thửa số 90, tờ bản đồ số 05, bản đồ thôn Na, tỷ lệ 1/1000, diện tích 357m^2, tăng 19m^2 so với bản đồ năm 1986. Bà L năm 1995 đã bán cho bà Nguyễn Thị Kim C1 diện tích 96m^2; năm 1996, bán cho ông T5 diện tích 120m^2.

Căn cứ bản đồ địa chính năm 1986 hiện UBND xã quản lý, phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông D2 là con mương rộng l,5m, đường QL2 rộng 14m; theo bản đồ năm 1993 thửa đất này có phía Bắc là con mương rộng 2m, đường QL2 rộng 9,9m. Như vậy, sau bản đồ năm 1986, diện tích tăng 19m^2 đã được mở rộng về phía Bắc là phần con mương thoát nước và đường QL 2.

Ngày 15/5/1997, bà L có Đơn xin chuyển đổi vị trí đất thổ cư cho bà Nguyễn Thị Nghĩa (mẹ bà V) diện tích 144m^2 còn lại, có xác nhận của UBND xã Thanh X. Tại Biên bản kiểm tra đo đạc đất thổ cư ngày 18/5/1997 có xác nhận của UBND xã Thanh X, phần diện tích đất chuyển nhượng này có kích thước như sau: phía Đông 18m giáp đường ngõ; phía Tây 18m giáp nhà ông T5; phía Nam giáp đường ngõ; phía Bắc 7m giáp đường Quốc lộ 2.

Theo Bản đồ năm 1986 phía Đông có chiều dài 20m (tăng 2m); phía Tây giáp nhà ông T5 dài 19,3m (tăng 1,3m so với biên bản đổi đất ngày 15/5/1997). Xác định diện tích nhà bà L đổi cho nhà bà V theo bản đồ năm 1986 là (7m + 9m) : 2 x (20m + 19,3m) : 2 = 157,2m^2.

Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng QL2; ngày 10/10/2005, tổ công tác đã tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng đất, tài sản, hoa màu trên đất nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà V. Tại Biên bản kiểm kê số 25, ngày 10/12/2006 UBND xã Thanh X xác nhận diện tích 15,33m^2 là đất ở. Ngày 15/5/2007, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng lập Phương án số 25/PA-GPMB-DAQL2 được phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện Sóc S. Ngày 21/8/2007, UBND huyện Sóc S đã ban hành Quyết định số 9681/QĐ-UBND thu hồi 15,33m^2 đất ở của gia đình bà V.

Ngày 05/3/2008, tổ công tác kiểm kê bổ sung lập Biên bản số 30/BB-GPMB, xác định diện tích 29,93m^2 nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng là đất hành lang; ngày 10/6/2009, Hội đồng giải phóng mặt bằng lập Phương án số 30/PA-GPMB áp dụng đơn giá hỗ trợ công tôn tạo đất 50.000đ/m^2 được phê duyệt tại Quyết định số 9681/QĐ-UBND ngày 21/8/2007 của UBND huyện Sóc S. Đất hành lang giao thông không được bồi thường là đúng quy định.

Như vậy, tổng diện tích đất hộ gia đình bà V đang quản lý và sử dụng nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng QL2 là (15,33m^2 + 29,93m^2) = 45,26m^2.

[2.2.2]. Đối với Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ

tịch UBND huyện Sóc S về giải quyết khiếu nại (được đính chính ngày 28/3/2024 tại văn bản số 651/UBND- TTr về việc đính chính các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Sóc S):

Khi UBND huyện Sóc S giải quyết khiếu nại của bà V, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà V ngày 04/3/2010 xác định phần diện tích còn lại sau khi GPMB xây dựng đường Quốc lộ 2 của hộ gia đình bà V còn lại:

+ Phía Bắc, giáp rãnh thoát nước của đường QL2 mới.

Tính từ giáp đường vào thôn N đến giáp đất nhà ông T5, có chiều rộng: 7,4m.

+ Phía Nam, giáp đường đi vào ngõ nhà bà T6.

Tính từ mép đường vào thôn Na đến giáp đất nhà ông T5, có chiều rộng: 9,8m.

+ Phía Đông, giáp đường đi vào thôn N.

Tính từ mép rãnh thoát nước đường QL2 mới đến giáp đường đi vào ngõ nhà bà Tiện, có chiều dài 19m.

+ Phía Tây, giáp đất ở của nhà ông T5.

Tính từ mép rãnh thoát nước đường QL2 mới đến giáp đường đi vào ngõ nhà bà Tiện, có chiều dài 17,7m.

Diện tích là: {(7,4m + 9,8m): 2} x {(17,7m + 19m): 2} = 157,81m^2.

Mặc dù diện tích còn lại hiện gia đình bà V đang quản lý và sử dụng so với diện tích mà hộ gia đình bà L đổi cho gia đình không thiếu so với diện tích đất ở được công nhận theo bản đồ năm 1986 nhưng đối chiếu với kích thước các chiều của thửa đất theo kết quả kiểm tra hiện trạng với bản đồ năm 1986 cho thấy:

+ Kích thước chiều rộng phía Bắc tăng từ 7m lên 7,4m = 0,4m.

+ Kích thước chiều dài ở phía Tây từ 19,3m giảm xuống còn 17,7m giảm 1,6m.

+ Kích thước chiều dài ở phía Đông từ 20m giảm xuống còn 19m, giảm 1m.

Như vậy, có thể xác định phần diện tích đất ở của hộ gia đình bà V có phía Tây rộng l,6m; phía Đông rộng 01m nằm trong chỉ giới thu hồi GPMB đường QL2; mặt khác phía Bắc tăng 0,4m. Do đó, diện tích đất ở của hộ gia đình bà V nằm trong chỉ giới, GPMB bị thu hồi là: {(l,6m + lm) : 2} x 7,4 = 9,62m^2, phần diện tích này được xác định là diện tích đất ở trước năm 1980 nên Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND huyện Sóc S xác định là đất ở là có căn cứ. Do diện tích đất ở bị thu hồi được xác định lại nên phần diện tích đất còn lại 29,93m^2 (trong tổng diện tích 45,26m^2 bị thu hồi) là

phần đất lấn chiếm, không được giao đất sau năm 1986, thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Chính phủ ban hành về điều lệ bảo vệ đường bộ thuộc đất hành lang giao thông nên không được bồi thường về đất chỉ được hỗ trợ công tôn tạo là có căn cứ.

Bà V cho rằng thực tế từ năm 1971 gia đình bà sử dụng nguyên trạng diện tích đất có chiều ngang phía Bắc tiếp giáp mặt đường Quốc lộ 2 với phía Bắc tiếp giáp đường Quốc lộ 16m, phía Tây sâu 24m, tổng diện tích thực tế sử dụng ban đầu là 451m^2 chứ không như bản đồ năm 1986 nhưng không có tài liệu chứng minh. Trừ đi diện tích đã bán cho ông T5 và bà C thì diện tích đo thực tế còn lại phải là 235,2m^2 với các cạnh đo là 7x9, 8x24 và diện tích bị thu hồi phải là 77,4m^2 nhưng không có căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản trên đất: bà V cho rằng gia đình có 2 gian quán lợp prô xi măng diện tích khoảng 16m^2 và 2 cây xoan đào nhưng không được kiểm kê bồi thường.

Theo Biên bản kiểm kê số 25 ngày 10/10/2005 của Tổ công tác giải phóng mặt bằng QL2 cho thấy:

Phần công trình xây dựng có: sân gạch chỉ: 3m x 7,3m = 21,9m^2; sân bê tông 2,2m x 7,3m = 16,06m^2; tổng diện tích mặt bằng sân gạch và sân bê tông là: 37,96m^2.

Tường xây gạch 220: 1,7m x 0,5m = 0,85m^2, tường xây 110: 1,5m x 2m = 3m^2, cống đổ phi 50: dài 7,3m, phần cây trồng có: dâu da xoan: 01 cây x 80.000đ = 80.000đ.

Như vậy, theo Biên bản kiểm kê không có diện tích 2 gian quán và cũng không có 02 cây xoan đào.

Biên bản kiểm kê ngày 05/3/2008 của của Tổ công tác GPMB QL2 đối với phần diện tích đất hành lang đường bộ thì không có công trình xây dựng trên đất.

Việc bà V cho rằng có khoảng 16m^2 của gian quán nằm trên diện tích đất trong chỉ giới giải phóng mặt bằng QL2 là không có căn cứ và không phù hợp với tổng diện tích đất mà hộ gia đình bà V đang sử dụng nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng QL2.

Tuy nhiên, khi áp dụng đơn giá Hội đồng BTHT và TĐC đã áp dụng đơn giá cây dâu da xoan với giá 80.000đ/cây là không đúng với đơn giá bồi thường cây trồng theo thông báo số 6069/TB-STC ngày 28/12/2006 của Sở Tài chính Hà Nội, tại thời điểm là 100.000đồng/l cây.

Do đó, tại phần quyết định của Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Chủ tịch UBND huyện Sóc S: *"Công nhận trong tổng số diện*

tích 45,26m^2 đất do hộ gia đình bà V quản lý sử dụng nằm trong chỉ giới GPMB có 9,62m^2 đất ở; 35,64m^2 đất hành lang an toàn giao thông đường QL2; ...Giao Hội đồng GPMB dự án mở rộng, nâng cấp đường QL2 huyện; Công ty cổ phần BOT QL2 điều chỉnh phương án bồi thường GPMB đối với hộ gia đình bà V với diện tích 9,62m^2 đất ở, 35,64m^2 đất hành lang và đơn giá cây dâu da xoan đồng thời chi trả tiền BTHT cho hộ gia đình bà V theo quy định" là có cơ sở pháp lý và phù hợp với thực tế.

Như vậy, tại Quyết định số 3170/QĐ-UBND đã xác định lại phần diện tích đất ở và đất hành lang giao thông bị thu hồi của gia đình bà V, giao lại cho hội đồng giải phóng mặt bằng điều chỉnh phương án. Do vậy, không cần thiết phải hủy Quyết định số 9681/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 của UBND huyện Sóc S về thu hồi đất ở đối với gia đình bà V để điều chỉnh về diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 3170/QĐ-UBND.

Do hộ gia đình bà V không thực hiện việc bàn giao đất nên ngày 06/10/2009, Chủ tịch UBND huyện Sóc S đã ban hành Quyết định số 13761/QĐ-UBND để cưỡng chế thu hồi đất của hộ bà V. UBND huyện Sóc S đã thực hiện xong việc thu hồi đất để bàn giao cho Chủ đầu tư thi công và đưa vào khai thác đúng tiến độ quy định. Chủ tịch UBND huyện Sóc S ban hành quyết định và tổ chức cưỡng chế là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

UBND huyện Sóc S cần sớm ban hành quyết định điều chỉnh diện tích bị thu hồi đối với đất ở và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Nguyễn Thị V.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V là có căn cứ. Bà V kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do bà Nguyễn Thị V là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị V.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị V; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trần Quang Minh

Hồ Sỹ Hưng

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình